

cùng loại; nhưng mức lương cao nhất của cán bộ quản lý xí nghiệp này phải thấp hơn mức lương của Giám đốc xí nghiệp ở hạng thấp nhất.

h) Mức lương của nhân viên kỹ thuật không giữ chức vụ lãnh đạo không tùy thuộc vào việc phân hạng xí nghiệp mà chỉ phân biệt như sau: mức lương nhân viên kỹ thuật thuộc ngành Công nghiệp nặng và các ngành tương đương như kiến thiết cơ bản, hàng không, đường sắt, đường thủy, lâm khàn, v.v... cao hơn mức lương của nhân viên kỹ thuật thuộc ngành Công nghiệp nhẹ và các ngành tương đương như: trồng trọt, chăn nuôi, v.v...

i) Mức lương của viên chức làm công tác nghiệp vụ và hành chính quản trị ở xí nghiệp không tùy thuộc vào việc phân hạng xí nghiệp mà áp dụng thống nhất theo các mức lương quy định cho những viên chức cùng loại công tác ở các cơ quan Nhà nước.

k) Trường hợp phải xếp lương cho cán bộ lãnh đạo xí nghiệp vượt mức lương quy định cho các loại, hạng xí nghiệp, thì Bộ chủ quản đề nghị, Bộ Lao động thông qua.

Điều 7. — Công nhân, viên chức mới tuyển dụng phải qua một thời gian tạm tuyển là 6 tháng; trong thời gian tạm tuyển chỉ được hưởng 85% mức lương bậc khởi điểm.

Đối với những người chưa đạt tiêu chuẩn bậc 1, thì chỉ được hưởng 85% mức lương bậc 1 của thang lương hoặc bảng lương của nghề đó, nhưng không được thấp hơn mức lương tối thiểu 27d30.

Công nhân kỹ thuật mới được tuyển dụng vào các xí nghiệp cũng phải qua thời gian tạm tuyển từ 3 đến 6 tháng. Trong thời gian này chỉ được hưởng 85% mức lương cấp bậc của người trong biên chế cùng việc làm như mình.

Điều 8. — Mức lương của lao động phổ thông làm việc trên các công trường, nông trường dưới 6 tháng và những người thuê mượn tạm thời, theo thời vụ ngay tại địa phương sẽ do Ủy ban hành chính các địa phương quy định, căn cứ theo đời sống của nhân dân và giá công thuê mượn ở địa phương.

Điều 9. — Nghị định này thi hành kể từ ngày 1-5-1960.

Điều 10. — Nay bãi bỏ nghị định số 182-TTg ngày 7-4-1958 quy định chế độ lương cho khu vực sản xuất; trừ điều 10 và điều 12 của nghị định đó.

Điều 11. — Bộ Lao động chịu trách nhiệm quy định các loại công nhân, viên chức, cán bộ được sắp xếp vào các thang lương và bảng lương kèm theo nghị định này; giải thích và hướng dẫn các Bộ thuộc khu vực sản xuất và các Ủy ban hành chính các địa phương thi hành nghị định này.

Hà nội, ngày 1 tháng 7 năm 1960

T.M. Hội đồng Chính phủ

Thủ tướng Chính phủ,

PHẠM VĂN ĐỒNG

NGHỊ ĐỊNH số 25-CP ngày 5-7-1960 quy định chế độ lương thuộc khu vực hành chính, sự nghiệp.

HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ nghị quyết của Hội đồng Chính phủ trong kỳ họp ngày 26, 27 tháng 4 năm 1960 về cải tiến chế độ lương và tăng lương năm 1960 đối với công nhân, viên chức, cán bộ;

Căn cứ nghị định của Hội đồng Chính phủ số 23-CP ngày 30 tháng 6 năm 1960 về phân loại lô chức, phân loại chức vụ của cán bộ và viên chức thuộc khu vực hành chính, sự nghiệp;

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. — Nay ấn định chế độ lương chức vụ của cán bộ, viên chức công tác ở các cơ quan hành chính, sự nghiệp theo các nguyên tắc sau đây:

1. Mức lương của cán bộ lãnh đạo nói chung cao hơn mức lương của cán bộ, nhân viên bị lãnh đạo;
2. Mức lương của chức vụ có yêu cầu cao về kỹ thuật, nghiệp vụ, cao hơn mức lương của chức vụ mà kỹ thuật, nghiệp vụ đơn giản hơn;
3. Mức lương của lao động trong điều kiện khó khăn, hại sức khỏe, cao hơn mức lương của lao động trong điều kiện bình thường.

Điều 2. — Lương chức vụ của cán bộ, viên chức ở các cơ quan hành chính, sự nghiệp gồm ba hệ thống ghi trên ba bảng lương ban hành kèm theo nghị định này⁽¹⁾:

Bảng A: Bảng lương chức vụ của cán bộ lãnh đạo trong bộ máy hành chính từ cấp trung ương đến cấp huyện, cán bộ phụ trách các cơ quan chuyên môn và các cơ quan sự nghiệp;

Bảng B: Bảng lương chức vụ của cán bộ, viên chức nghiệp vụ, kỹ thuật, khoa học;

Bảng C: Bảng lương chức vụ của nhân viên làm công tác hành chính, quản trị, phục vụ.

Điều 3. — Căn cứ vào các bảng lương chức vụ chính nói trên, các ngành có thể quy định một số bảng lương chức vụ cho phù hợp với đặc điểm tổ chức và cán bộ của ngành mình, sau khi được sự thỏa thuận của Bộ Nội vụ.

Điều 4. — Cán bộ, viên chức trong biên chế các cơ quan hành chính, sự nghiệp đang giữ các chức vụ đã được cơ quan có thẩm quyền công nhận, thì được sắp xếp vào các bảng lương chức vụ nói ở điều 2.

Điều 5. — Cán bộ, viên chức hiện đang làm chức vụ gì thì xếp lương theo chức vụ ấy; khi chức vụ thay đổi thì bậc lương cũng thay đổi theo.

(1) Các bảng lương chức vụ của cán bộ, viên chức các cơ quan hành chính, các ngành văn hóa, y tế, giáo dục, v.v... ban hành kèm theo nghị định này không đăng trong Công báo.

Những người đang ở thời kỳ tập sự được hưởng 85 % mức lương bậc khởi điểm của chức vụ đó, nhưng không được thấp hơn mức lương tối thiểu 27d30.

Điều 6.— Khi xếp lương cho cán bộ, viên chức thuộc khu vực hành chính, sự nghiệp, chủ yếu phải căn cứ vào chức vụ, nhưng đồng thời phải xét khả năng thực tế và trình độ hoàn thành nhiệm vụ của mỗi người; khi xếp lương cho cán bộ, nhân viên trong các ngành nghiệp vụ: giáo viên, bác sĩ, dược sĩ, y sĩ, y tá, dược tá, nữ hộ sinh, hộ lý... và người làm công tác phiên dịch, chủ yếu phải căn cứ vào chức vụ và thâm niên nghề nghiệp, nhưng đồng thời phải căn cứ vào khả năng thực tế và trình độ hoàn thành nhiệm vụ của mỗi người, không nhất thiết chỉ dựa vào thâm niên để xếp lương.

Điều 7.— Các cán bộ, viên chức và nhân viên nghiệp vụ công tác trong những điều kiện khó khăn, hại sức khỏe được hưởng thêm một khoản phụ cấp.

Bộ Nội vụ, Bộ Lao động và các Bộ hữu quan nghiên cứu và trình Chính phủ quyết định các chế độ phụ cấp ấy.

Điều 8.— Nghị định này thi hành từ ngày 1 tháng 5 năm 1960. Các văn bản quy định về chế độ lương và các khoản phụ cấp xung quanh lương từ trước đều bãi bỏ.

Điều 9.— Bộ Nội vụ chịu trách nhiệm hướng dẫn thi hành nghị định này.

Hà Nội, ngày 5 tháng 7 năm 1960

T.M. Hội đồng Chính phủ

Thủ tướng Chính phủ,

PHẠM VĂN ĐỒNG

LIÊN BỘ

LAO ĐỘNG — NỘI VỤ

THÔNG TƯ số 16-LB/TT ngày 11-7-1960
quy định phụ cấp khu vực.

BỘ TRƯỞNG BỘ LAO ĐỘNG

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Kính gửi: Các Ủy ban hành chính khu, thành phố, tỉnh,

Đồng kính gửi: Các vị Bộ trưởng các Bộ,
Các vị Thủ trưởng các cơ quan, đoàn thể trung ương.

Trong nghị quyết về việc cải tiến chế độ tiền lương và tăng lương năm 1960, Hội đồng Chính phủ đã quy định rõ chủ trương về phụ cấp khu vực và giao cho Bộ Nội vụ và Bộ Lao động nghiên cứu quy định cụ thể việc thi hành.

Liên bộ ra thông tư này để giải thích và quy định các địa phương và các cơ sở sản xuất vào các khu vực, định lại cách thức tính phụ cấp khu vực.

Tinh thần nghị quyết của Hội đồng Chính phủ về phụ cấp khu vực có mấy điểm chủ yếu dưới đây:

1. Năm 1960, chưa cải tiến toàn bộ chế độ phụ cấp khu vực mà chỉ dựa trên cơ sở cũ, điều chỉnh một vài khoản chủ yếu nhằm vào một số khu vực miền núi; tránh điều chỉnh một cách tràn lan:

Chế độ phụ cấp khu vực năm 1958, qua nhiều lần sửa đổi đã có nhiều tiến bộ. So với chế độ phụ cấp khu vực năm 1955, quan hệ phụ cấp khu vực giữa các huyện trong tỉnh, các tỉnh trong khu nói chung hợp lý hơn; các vùng miền núi hầu khắp đã được quy định phụ cấp khu vực; những nơi khó khăn nhiều như các vùng rẻo cao, biên giới, hải đảo, đã được tăng tỷ lệ phụ cấp từ 20% lên 25% và 35%; yếu tố quy định phụ cấp khu vực đã được sơ bộ xác định có phần rõ ràng hơn, v.v... Nhưng cũng còn một số vấn đề tồn tại như một số vùng rẻo cao, biên giới, hải đảo của một số địa phương chưa được quy định; một số vùng miền núi, chủ yếu là một số vùng có nhiều khó khăn ở khoảng giữa khu vực từ 12% và 20% sắp xếp còn có phần gò bó, yếu tố quy định phụ cấp khu vực còn có điểm chưa thật thích hợp.

Việc cải tiến chế độ phụ cấp khu vực đòi hỏi phải có thời gian điều tra, nghiên cứu về nhiều mặt mới có thể xác định được điều kiện sinh hoạt, điều kiện địa lý, khí hậu giữa các vùng mà hiện nay ta chưa có đủ điều kiện làm được. Vì vậy trong lần cải tiến tiền lương này, Chính phủ chủ trương chưa cải tiến toàn bộ chế độ phụ cấp khu vực mà chỉ dựa trên cơ sở cũ, điều chỉnh một vài khoản thật bất hợp lý nhằm vào một số khu vực miền núi. Trong điều kiện ta chưa có cơ sở tài liệu chính xác để phân định khu vực thì việc điều chỉnh cũng chỉ nên đặt vấn đề tương đối và hạn chế trong một phạm vi nhất định, để tránh việc điều chỉnh một cách tràn lan, gây ra những bất hợp lý mới và không đảm bảo quỹ tiền lương đã phân phối.

2. Xác định lại các yếu tố quy định khu vực là điều kiện khí hậu xấu; sinh hoạt thường xuyên khó khăn và đất đỏ; công tác ở những nơi xa xôi hẻo lánh; căn bản các yếu tố vẫn theo như quy định năm 1958, chỉ bỏ yếu tố khu công nghiệp quan trọng cần khuyến khích nhiều người đến làm việc, vì yếu tố này một phần đã được phản ảnh trong các yếu tố trên; và việc khuyến khích đến những vùng công nghiệp cần được giải quyết bằng biện pháp khác thích hợp hơn.

3. Quy định lại thành sáu khu vực và một khu vực đặc biệt với tỷ lệ phụ cấp từ 6% đến 40% lương cấp bậc:

— Khu vực đặc biệt:	40%	lương cấp bậc
— Khu vực 1	: 25%	»
— Khu vực 2	: 20%	»
— Khu vực 3	: 15%	»
— Khu vực 4	: 12%	»
— Khu vực 5	: 10%	»
— Khu vực 6	: 6%	»